

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2019.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải.

2. Bà Bùi Thị Hoàng.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Bùi Thị Tuyết Nga.

Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh

Ngày 28/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2019/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2019 về việc “*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp H, xã Th, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: ấp T, xã Th, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp H, xã Th, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị T có mặt, anh A vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Ngọc A tìm hiểu nhau và kết hôn vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã T, thị xã C (thành phố C), tỉnh Đồng Tháp ngày 20/10/1999. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Đến năm 2018, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và vợ chồng không quan hệ vợ chồng từ đó đến nay, mặc dù sống chung nhà nhưng không quan tâm nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, anh A thường xuyên vắng nhà thời gian dài, thời gian có mặt tại nhà rất ít. Tháng 5/2019, Chị T về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Trong thời gian xa nhau, vợ chồng không hàn gắn tình cảm. Nay Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc A.

Con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Ngọc A có 01 con chung tên Nguyễn Song G, sinh năm 1993, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và không cho ai nợ.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Ngọc A đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, do anh A trực tiếp ký nhận nhưng anh A không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc A có địa chỉ tại xã T, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Ngọc A, do anh A trực tiếp ký nhận, anh A không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và anh A cũng không có mặt tại phiên tòa hôm nay, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Ngọc A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Ngọc T và

anh Nguyễn Ngọc A được xác lập vào năm 1992, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Tây, thị xã Cao Lãnh (thành phố Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp ngày 20/10/1999 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tại phiên tòa hôm nay, Chị T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh A, anh A không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến nội dung vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh A cũng không có mặt để trình bày ý kiến của anh về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh A có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, trong thời gian sống xa nhau, vợ chồng hàn gắn tình cảm không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có đoàn tụ cũng không thể hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị T là phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc A.

[3] Xét về nuôi con: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Ngọc A có 01 con chung tên Nguyễn Song G, sinh năm 1993, hiện con chung đã trưởng thành. Tại phiên tòa, Chị T vẫn giữ nguyên lời trình bày là có 01 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết; anh A không có văn bản ghi ý kiến, không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh A cũng không có mặt để trình bày ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử căn cứ giấy khai sinh của Nguyễn Song G thì hiện nay Song Giang đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét chia tài sản khi ly hôn: Tại phiên tòa, Chị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh A vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Xét nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay, Chị T trình bày vợ chồng không có nợ ai và không cho ai nợ, anh A vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Ngọc A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc T, chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc A.

Nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009036 ngày 17/6/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy Chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Ngọc A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc A có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Bản án có hiệu lực ngày 01/10/2019.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh